

BỘ CÔNG AN - BỘ NGOẠI GIAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2012/TTLT/BCA-BNG

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2012

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 04/2002/TTLT/BCA-BNG ngày 29/01/2002 và Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT/BCA-BNG ngày 12/5/2009 của Bộ Công an - Bộ Ngoại giao trong lĩnh vực xuất nhập cảnh

- Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 10/12/2010 và Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 17/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Ngoại giao và Bộ Công an;
- Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;
- Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;
- Căn cứ Nghị định số 15/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;
- Căn cứ Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28/5/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

Bộ Công an và Bộ Ngoại giao thống nhất như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Thông tư liên tịch số 04/2002/TTLT/BCA-BNG ngày 29/01/2002 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28/5/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam

1. Sửa đổi khoản 2 Mục I như sau:

a) Sửa đổi cụm từ “công văn đề nghị” tại dòng thứ ba điểm a thành cụm từ “văn bản đề nghị kiểm tra, xét duyệt nhân sự cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam theo mẫu N2 ban hành kèm theo Thông tư này”;

b) Sửa đổi cụm từ “nộp đơn” tại dòng thứ nhất điểm b thành cụm từ “nộp đơn bảo lãnh cho thân nhân là người nước ngoài nhập cảnh theo mẫu N3 ban hành kèm theo Thông tư này”.

2. Sửa đổi cụm từ “đơn (theo mẫu quy định)” tại dòng thứ hai, điểm a khoản 1 Mục II thành cụm từ “Tờ khai đề nghị cấp thị thực Việt Nam theo mẫu N1 ban hành kèm theo Thông tư này”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Mục IV như sau:

a) Sửa đổi cụm từ “văn bản đề nghị” tại dòng thứ tư điểm a và dòng thứ tư điểm b thành cụm từ “tờ khai đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung thẻ tạm trú và gia hạn tạm trú theo mẫu N5 ban hành kèm theo Thông tư này”.

b) Sửa đổi nội dung tại điểm d như sau:

Người nước ngoài đề nghị cấp thẻ tạm trú nộp 01 bộ hồ sơ cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Công an cấp tỉnh). Hồ sơ đề nghị cấp thẻ tạm trú gồm các loại giấy tờ sau:

+ Văn bản đề nghị cấp thẻ tạm trú theo mẫu N7A; bản khai thông tin về người nước ngoài đề nghị cấp thẻ tạm trú theo mẫu N7B ban hành kèm theo Thông tư này;

+ Hộ chiếu của người xin cấp thẻ tạm trú;

+ Giấy tờ chứng minh thuộc diện xem xét cấp thẻ tạm trú là một trong các loại giấy tờ như: giấy phép lao động, giấy xác nhận là Trưởng Văn phòng đại diện, thành viên Hội đồng quản trị hoặc các giấy tờ khác có giá trị chứng minh đủ điều kiện cấp thẻ tạm trú.

- Thẻ tạm trú được cấp riêng cho từng người theo mẫu N8 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Sửa đổi, bổ sung Mục VI và Mục VII như sau:

“VI. Thủ tục cấp thẻ thường trú

1. Người nước ngoài thuộc diện quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 13 Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu thường trú tại Việt Nam nộp 01 bộ hồ sơ và làm thủ tục tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an. Hồ sơ xin thường trú tại Việt Nam gồm các loại giấy tờ sau:

- Đơn xin thường trú theo mẫu N9A; bản tự khai lý lịch theo mẫu N9B ban hành kèm theo Thông tư này;

- 04 ảnh mới chụp, cỡ 3 x 4 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu.

- Bản chụp hộ chiếu (xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu);

- Các giấy tờ, tài liệu liên quan khác (nếu có).

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người xin thường trú và Công an cấp tỉnh nơi người đó xin thường trú biết quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Công an cấp tỉnh chỉ đạo Phòng Quản lý xuất nhập cảnh cấp thẻ thường trú sau khi nhận được thông báo về quyết định đồng ý cho thường trú của Thủ tướng Chính phủ.

2. Người nước ngoài thuộc diện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam trực tiếp nộp 01 bộ hồ sơ và làm thủ tục xin thường trú ở Việt Nam tại Cục Quản lý xuất

nhập cảnh Bộ Công an hoặc Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi xin thường trú.

a) Hồ sơ xin thường trú gồm các loại giấy tờ sau:

- Đơn xin thường trú theo mẫu N9A ban hành kèm theo Thông tư này;
- 04 ảnh mới chụp, cỡ 3 x 4 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu.
- Lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân hoặc của nước mà người đó thường trú cấp;
- Công hàm của cơ quan đại diện của nước mà người đó là công dân;
- Giấy bảo lãnh cho thân nhân là người nước ngoài xin thường trú ở Việt Nam theo mẫu N10 ban hành kèm theo Thông tư này;
- Giấy tờ chứng minh là vợ, chồng, con, cha, mẹ của công dân Việt Nam thường trú ở Việt Nam;
- Bản chụp hộ chiếu (xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu);
- Các giấy tờ, tài liệu liên quan khác (nếu có).

b) Các giấy tờ nêu trong hồ sơ (trừ giấy bảo lãnh và hộ chiếu) phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng hoặc hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật.

c) Trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành thẩm tra, xác minh và báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định. Trường hợp xét thấy cần phải thẩm tra bổ sung thì thời gian trên có thể kéo dài thêm nhưng không quá 02 tháng.

d) Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người xin thường trú và Công an cấp tỉnh nơi người đó xin thường trú biết về quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an. Công an cấp tỉnh chỉ đạo Phòng Quản lý xuất nhập cảnh cấp thẻ thường trú trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo về quyết định đồng ý cho thường trú của Bộ trưởng Bộ Công an.

đ) Thẻ thường trú được cấp riêng cho từng người theo mẫu N11 ban hành kèm theo Thông tư này.

e) Trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an, người nước ngoài được chấp thuận cho thường trú ở Việt Nam phải đến Phòng Quản lý xuất nhập cảnh nơi thường trú để nhận thẻ thường trú. Quá thời hạn nêu trên, người được chấp thuận cho thường trú không đến nhận thẻ mà không có lý do chính đáng thì thẻ thường trú mặc nhiên hết giá trị.

VII. Thủ tục cấp đổi thẻ thường trú

- Định kỳ 03 năm một lần, người được cấp thẻ thường trú phải có mặt tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thường trú để làm thủ tục cấp đổi thẻ thường trú. Việc xin cấp đổi thẻ thường trú được thực hiện trong thời hạn **90 ngày tính đến ngày phải có mặt**. Người xin cấp đổi thẻ thường trú nộp 01 bộ hồ sơ gồm các loại giấy tờ sau:

+ 01 tờ khai cấp lại thẻ thường trú theo mẫu N9C ban hành kèm theo Thông tư này;

+ 02 ảnh mới chụp, cỡ 3 x 4 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu.

+ Thẻ thường trú;

+ Bản chụp hộ chiếu (xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu).

- Trường hợp chưa hết thời hạn 03 năm (tính từ ngày cấp thẻ), người được cấp thẻ có nhu cầu thay đổi nội dung ghi trong thẻ thường trú thì nộp hồ sơ và làm thủ tục như xin cấp đổi thẻ thường trú.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ xin cấp đổi thẻ thường trú, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét, quyết định. Cục Quản lý xuất nhập cảnh có văn bản trả lời trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo. Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh cấp thẻ mới trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT/BCA-BNG ngày 12/5/2009 hướng dẫn thủ tục giải quyết cho công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đăng ký thường trú tại Việt Nam

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Mục III như sau:

Ban hành kèm theo Thông tư này mẫu đơn đề nghị về Việt Nam thường trú dùng cho công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài (mẫu TT01).

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực ít nhất sau 45 ngày kể từ ngày ký./.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG**

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
THỨ TRƯỞNG**

Trung tướng Tô Lâm

Nguyễn Thanh Sơn

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Các Tổng cục, Bộ Tư lệnh, các đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Công thông tin điện tử của Chính phủ;
- Lưu: BCA (VT, V19, A72); BNG (VT, Cục Lãnh sự).